

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **5300** /BTC-QLCSHà Nội, ngày **22** tháng 4 năm 2025

V/v đăng tải xin ý kiến về dự thảo
Nghị định quy định tiêu chuẩn,
định mức sử dụng trụ sở làm việc,
cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Kính gửi: Công Thông tin điện tử Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở báo cáo, đánh giá, đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã dự thảo Tờ trình Chính phủ, Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ).

Để đảm bảo tính khả thi của dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025, Bộ Tài chính đề nghị Công Thông tin điện tử Chính phủ đăng tải dự thảo Nghị định để lấy ý kiến rộng rãi của đối tượng chịu tác động.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan. / *Truul*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CNTT (để đăng tải trên Cổng TTĐT Bộ Tài chính);
- Báo Tài chính - Đầu tư (để đăng tải trên Trang thông tin về TSC);
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, QLCS. **(05)** *Truul*

(Quét mã QR để khai thác tài liệu)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Bùi Văn Khăng**

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 02

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 152/2017/NĐ-CP) và xây dựng dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (sau đây gọi là dự thảo Nghị định), thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP. Bộ Tài chính trình Chính phủ các nội dung chủ yếu của Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Tại điểm 6 mục II Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo: “Giao Đảng ủy Chính phủ chủ trì, chỉ đạo Đảng ủy Bộ Tư pháp, Đảng ủy Ủy ban Pháp luật và Tư pháp và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các luật liên quan, các văn bản, nghị định về cơ chế, chính sách xử lý tài sản nhà nước sau sắp xếp tổ chức bộ máy ở địa phương, báo cáo Bộ Chính trị theo tiến độ chung và hoàn thành sửa đổi, bổ sung pháp luật chậm nhất ngày 30/6/2025.

- Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định: Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/3/2027.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII trong đó thông qua một số nội dung: (1) Đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh, cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp

năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành; số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sáp nhập là 34 tỉnh, thành phố (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc Trung ương); sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã bảo đảm cả nước giảm khoảng 60 - 70% số lượng đơn vị hành chính cấp xã so với hiện nay. (2) Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn hợp nhất cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã. (3) Đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân có 3 cấp: Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, cấp tỉnh, cấp khu vực. Kết thúc hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện. (4) Đồng ý chủ trương lập tổ chức đảng ở địa phương tương ứng với hệ thống hành chính cấp tỉnh, cấp xã.

- Tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nêu một số quy định pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức còn bất cập, chưa theo kịp yêu cầu phát triển và giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung định mức tài sản công.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về việc thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP

Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức (TCĐM) sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp. Tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP đã quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; (2) Nguyên tắc áp dụng TCĐM; (3) TCĐM sử dụng của từng loại diện tích (diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp); (4) Trách nhiệm thi hành (Bộ Tài chính⁽¹⁾; (Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH)⁽²⁾, các Bộ, cơ quan trung ương và UBND cấp tỉnh⁽³⁾; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và các chức danh làm

⁽¹⁾ Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

⁽²⁾ Chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan quy định chi tiết hướng dẫn về TCĐM sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, GD&ĐT thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH.

⁽³⁾ Ban hành: (i) TCĐM sử dụng diện tích chuyên dùng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý - khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP; (ii) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH về TCĐM sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, GD&ĐT để ban hành TCĐM đối với các đơn vị SNCL thuộc phạm vi quản lý - điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

Người đứng đầu ĐVSNCCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được ban hành TCĐM sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, GD&ĐT tại đơn vị.

việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị⁽⁴⁾).

Căn cứ quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, các Bộ có liên quan đã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước như sau:

- Bộ Tài chính: (i) Có văn bản gửi các Bộ, ngành, địa phương về triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó có Nghị định số 152/2017/NĐ-CP (Công văn số 2030/BTC-QLCS ngày 13/02/2018); (ii) Có các văn bản đôn đốc Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và tham gia ý kiến với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trong quá trình xây dựng Thông tư hướng dẫn TCDM sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, GD&ĐT; (iii) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, trong đó có Nghị định số 152/2017/NĐ-CP; (iv) Có văn bản trả lời các đơn vị trong quá trình thực hiện chính sách.

- Bộ GD&ĐT đã ban hành: (i) Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 quy định chi tiết hướng dẫn về TCDM sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GD&ĐT (*áp dụng cho khối các trường đại học và cao đẳng sư phạm*); (ii) Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 16/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất cá trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*hướng dẫn tiêu chuẩn cơ sở vật chất cho một cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và hướng dẫn TCDM về diện tích chuyên dùng cho khối các trường mầm non, phổ thông*).

- Bộ LĐ-TB&XH đã ban hành Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định TCDM sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Bộ Y tế đến nay chưa quy định chi tiết hướng dẫn về TCDM sử dụng công trình sự nghiệp về y tế. Bộ Tài chính đã có ý kiến gửi Bộ Y tế đề nghị khẩn trương chỉ đạo xây dựng văn bản quy định chi tiết hướng dẫn về TCDM sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế (các Công văn số 2030/BTC-QLCS ngày 13/02/2018, Công văn số 6282/BTC-QLCS ngày 29/5/2018 và Công văn số 10358/BTC-QLCS ngày 24/8/2018). Ngoài ra, theo đề nghị của Bộ Y tế, Bộ Tài chính đã có Công văn số 5636/BTC-QLCS ngày 31/5/2024 có ý kiến với Bộ Y tế về hình thức ban hành văn bản quy định chi tiết hướng dẫn về TCDM sử dụng công trình sự nghiệp về y tế; Công văn số 12891/BTC-QLCS ngày 26/11/2024 tham gia ý kiến đối với dự thảo Thông tư quy định TCDM sử dụng diện tích chuyên dùng của Bệnh viện đa khoa, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương⁽⁵⁾.

- Bộ, cơ quan trung ương, địa phương:

⁽⁴⁾ Chịu trách nhiệm thi hành Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

⁽⁵⁾ Qua trao đổi với Vụ KHTC - Bộ Y tế được biết Bộ Y tế đang tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương về dự thảo Thông tư hướng dẫn.

+ Về ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn: Hầu hết các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã ban hành văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

+ Về ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quyết định điều chỉnh TCDM sử dụng diện tích sử dụng chung trong trụ sở làm việc quy định tại khoản 3 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP: Có 02 Bộ, cơ quan trung ương (Bộ Tư pháp, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam) và 02 địa phương (Bình Định, Thái Nguyên) ban hành văn bản quyết định điều chỉnh TCDM sử dụng diện tích sử dụng chung trong trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức cao hơn không quá 10% TCDM quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP; còn lại các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương khác không ban hành⁽⁶⁾.

+ Về ban hành theo thẩm quyền TCDM sử dụng diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc quy định tại khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP: Có 13 Bộ, ngành và 53 địa phương đã ban hành.

+ Về ban hành theo thẩm quyền hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành TCDM sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, GD&ĐT thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP: Có 08 Bộ, ngành và 14 địa phương đã ban hành.

+ Về văn bản ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành TCDM sử dụng diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, GD&ĐT) thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP: Có 09 Bộ, ngành và 28 địa phương đã ban hành.

2.2. Đánh giá việc thực hiện

a) Kết quả đạt được

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của các Bộ, ngành (43/45)⁷, 63 địa phương, cho thấy:

- Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH quy định chi tiết hướng dẫn TCDM sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp (Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020, Thông tư số 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 16/5/2020 của Bộ GD&ĐT; Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ LĐ-

⁽⁶⁾ Cụ thể:

+ Bộ Tư pháp: Hàng năm, nếu các dự án được đầu tư xây dựng mới có yêu cầu về diện tích tăng dưới 10% so với quy định thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp có văn bản nhất trí chủ trương để các đơn vị có căn cứ thực hiện; cụ thể: (i) Năm 2019: 09 trường hợp cùng có tỷ lệ % tăng 9,5-9,8%; (ii) Năm 2021: 01 trường hợp có tỷ lệ % tăng 9,6 %; (iii) Năm 2022: 15 trường hợp cùng có tỷ lệ tăng 9,5-9,8%.

+ BHXHVN: TGD BHXHVN đã xem xét, quyết định 01 Dự án ĐTXD trụ sở cơ quan BHXHVN được điều chỉnh tăng diện tích sử dụng chung với tỷ lệ khoảng 5,1% so với quy định.

+ Tỉnh Bình Định: UBND Tỉnh có Công văn số 4034/UBND-KT ngày 16/7/2022 về diện tích sử dụng chung của công trình trụ sở làm việc của VP Đoàn ĐBQH và HĐND Tỉnh (điều chỉnh tăng 9,7% so với quy định).

+ Tỉnh Thái Nguyên: UBND Tỉnh có Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 về việc bố trí diện tích sử dụng chung của Dự án xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan Tỉnh (điều chỉnh tăng 9,7% so với quy định).

⁷ 02 Bộ, ngành chưa báo cáo đánh giá: Bộ Y tế, Đại học Quốc gia TP HCM

TB&XH) đã tạo lập hành lang pháp lý cho việc hoàn thiện hệ thống TCDM sử dụng tài sản công, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch, dự toán, giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; làm cơ sở để đánh giá tiết kiệm/lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công; đảm bảo việc sử dụng trụ sở được công bằng, công khai, minh bạch. Việc chia các loại diện tích nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng), diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp cơ bản phù hợp với đối tượng, mục đích sử dụng và yêu cầu quản lý. Việc quy định ban hành TCDM sử dụng diện tích chuyên dùng, việc điều chỉnh diện tích sử dụng chung cao hơn TCDM quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP,... tạo điều kiện các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chủ động, linh hoạt hơn trong việc bố trí, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Về cơ bản việc tổ chức triển khai thực hiện tại các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã đạt được những kết quả bước đầu. Đến nay, hầu hết các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản quy định về TCDM sử dụng diện tích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của chính sách và các đối tượng có liên quan; ban hành văn bản quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành TCDM sử dụng diện tích chuyên dùng chuyên dùng và thực hiện công khai theo quy định; cập nhật biến động về trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

b) Hạn chế, bất cập

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tế triển khai thực hiện đã phát sinh một số hạn chế, vướng mắc cần được tháo gỡ để việc quản lý, sử dụng tài sản được chặt chẽ, phục vụ tốt công tác phù hợp với tình hình thực tế trong bối cảnh mới; cụ thể như sau:

(1) Theo Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ thì cần thực hiện sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị; trong đó hợp nhất một số bộ, tỉnh, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (bỏ cấp huyện),...; vì vậy, các nội dung quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP đã không còn phù hợp với giai đoạn hiện nay.

(2) Chưa thể chế được đầy đủ các quy định về đối tượng áp dụng, phân cấp, phân quyền theo quy định tại Luật số 56/2024/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính).

(3) Về diện tích làm việc của các chức danh

- Ngày 05/5/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 35-KL/TW về

danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở. Theo đó, các chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở có sự sắp xếp lại để bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ các giai đoạn mới. Việc sắp xếp này đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh lại tiêu chuẩn sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các chức danh hiện hành cho phù hợp.

- Theo phản ánh của các Bộ, ngành, địa phương thì diện tích làm việc của các chức danh hiện nay còn hạn chế về diện tích do còn phải bố trí không gian đặt các máy móc, thiết bị văn phòng, tủ đựng tài liệu, hồ sơ lưu trữ, không gian phối hợp công tác với các cơ quan, tổ chức, đơn vị; đồng thời, cần phải tăng diện tích để tạo môi trường làm việc hiệu quả, đảm bảo tính lâu dài, bền vững của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp. Vì vậy, có 06 Bộ, ngành, địa phương đề nghị tăng diện tích làm việc cho tất cả các chức danh (Bộ Xây dựng đề xuất mức tăng là 20%); 02 địa phương (Cà Mau, Cao Bằng) đề nghị tăng định mức cho tất cả các chức danh ở cấp tỉnh, cấp huyện; 18 Bộ, ngành, địa phương đề nghị tăng cho các nhóm chức danh (gồm: Thứ trưởng, Cục trưởng, Phó Cục trưởng, Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng cấp huyện, Chuyên viên cấp huyện, cá nhân không xác định thời hạn cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã).

(4) Về diện tích sử dụng chung

Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2027/NĐ-CP quy định diện tích sử dụng chung tối đa bằng 70% diện tích làm việc của các chức danh làm việc tại trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã; tối đa bằng 50% diện tích làm việc của các chức danh làm việc đối với các trường hợp còn lại. Việc xác định tổng diện tích sử dụng chung theo hiện hành chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế đối với một số trường hợp cụ thể (như các cơ quan, tổ chức, đơn vị có số lượng biên chế, người làm việc ít nhưng vẫn cần các phần diện tích chung theo quy định...), không đủ để bố trí cho phần diện tích sử dụng chung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 152/2027/NĐ-CP (như diện tích: Hội trường dưới 100 chỗ, sảnh chính, sảnh phụ, kho lưu trữ hồ sơ...).

(5) Về diện tích chuyên dùng

- Diện tích chuyên dùng trong nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2027/NĐ-CP, các Bộ, cơ quan trung ương phải xin ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính trước khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong diện tích nhà làm việc của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp. Quy định này chưa tạo sự chủ động, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm của các Bộ, cơ quan trung ương trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP chưa có quy định về các căn cứ khi xây dựng TCDM sử dụng

diện tích chuyên dùng nên một số Bộ, cơ quan trung ương, địa phương còn lúng túng trong thực hiện.

- Còn có các cách hiểu khác nhau về quy định việc xin ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh trước khi ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành TCĐM sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Quy định diện tích chuyên dùng là diện tích công trình sự nghiệp trong cơ sở hoạt động sự nghiệp cần phải rà soát cho phù hợp quy định tại khoản 4, 5 và 7 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và phải rà soát để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025.

- Hiện nay, Bộ Y tế chưa ban hành quy định chi tiết hướng dẫn về TCĐM sử dụng công trình sự nghiệp về y tế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP nên ảnh hưởng đến tiến độ ban hành TCĐM đối với công trình sự nghiệp y tế.

(6) Về diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và đầu tư: Cần phải rà soát đảm bảo phù hợp với khoản 7 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công⁸ do: Theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP thì diện tích sử dụng chung của đơn vị được xác định theo quy định như cơ quan, tổ chức; Diện tích chuyên dùng trong diện tích nhà làm việc do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính. Do đó, theo quy định hiện nay việc xác định diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng trong nhà làm việc không thuộc thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp.

(7) Về nguyên tắc xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cũ hoặc hiện có khi sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: Để kịp thời xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cũ, hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tận dụng tối đa trụ sở hiện có cần phải có quy định xử lý đối với các trụ sở này khi thực hiện giao, điều chuyển, bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Việc yêu cầu đơn vị tiếp nhận sử dụng trụ sở cũ phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức trong khi chưa có quy định linh hoạt, điều hòa các diện tích theo tiêu chuẩn, định mức, nhất là đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận phải chuyển công năng gây khó khăn trong quá trình xử lý, bố trí sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cũ.

(8) Về xử lý chuyển tiếp: Chưa có quy định xử lý chuyển tiếp việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chuẩn, định mức quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và xử lý chuyển tiếp đối với trường hợp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt

⁸ “Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công tại đơn vị mình, trừ tiêu chuẩn, định mức diện tích làm việc, xe ô tô, máy móc, thiết bị của các chức danh quản lý.”

động sự nghiệp hiện có thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sắp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động.

2.3. Nguyên nhân

Nghị định số 152/2017/NĐ-CP đã được ban hành từ năm 2017 và đến nay đã có nhiều thay đổi trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, trong định hướng xây dựng chính sách cũng như trong thực tế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị như: (1) Luật số 56/2024/QH15 đã sửa đổi một số nội dung của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2025, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2025) nên cần sửa đổi quy định liên quan tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP cho phù hợp (như: về đối tượng áp dụng, quy định về phân cấp); (2) Việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp thẩm quyền tăng chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cấp trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (trong đó có việc ban hành TCDM sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp); (3) Quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh một số vướng mắc trong thực tế (hiện nay mới có 01 nội dung bãi bỏ khoản 5 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP đã được quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP); đặc biệt khi thực hiện sắp xếp lại, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo chủ trương, quan điểm của Đảng, Nhà nước thì cần phải có quy định về nguyên tắc xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cũ hoặc hiện có đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tận dụng tối đa trụ sở hiện có.

Từ cơ sở nêu trên, việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP) là cần thiết và có cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc xây dựng Nghị định nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, bổ sung quy định về các vấn đề chưa có quy định để điều chỉnh, sửa đổi các nội dung không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn khi triển khai thực hiện Nghị định số 152/2017/NĐ-CP, bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, tăng cường phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công, đẩy nhanh việc xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đồng bộ, thống nhất, liên thông trong hệ thống pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

Thứ nhất, quán triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Nghị quyết số

74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội); về nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng, khai thác và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị (trong đó có nguồn lực về tài sản công); đẩy mạnh phân cấp hợp lý, hiệu quả (Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

Thứ hai, các nội dung sửa đổi, bổ sung phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật đặc biệt là các nội dung đã được điều chỉnh tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025. Kế thừa các quy định hiện hành qua thực tiễn triển khai phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương; đồng thời, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động tự chịu trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương gắn với công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp gồm diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng.

Diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng là diện tích được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc. Trường hợp giao, điều chuyển đối với trụ sở làm việc mà chỉ có thông tin về diện tích sàn xây dựng thì xác định diện tích thông thủy (diện tích sàn sử dụng) bằng 85% của diện tích sàn xây dựng.

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Đề phù hợp với Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị và tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, dự thảo bổ sung, hoàn thiện về đối tượng áp dụng Nghị định gồm: Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả các tổ chức thành viên là tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước. Đối với các chức danh làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (gồm: cán

bộ, công chức, viên chức; cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ); kế thừa quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

Đồng thời, hoàn thiện danh mục chức danh theo Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ, Nghị quyết số 64/2025/UBTVQH ngày 07/01/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết thúc hoạt động của Truyền hình Quốc hội Việt Nam để chuyển chức năng, nhiệm vụ từ Truyền hình Quốc hội Việt Nam về Đài Truyền hình Việt Nam và các chức danh khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ Tài chính đã có các văn bản⁹ gửi các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện, đề xuất, kiến nghị phương án sửa đổi, bổ sung chính sách.

2. Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định và gửi lấy ý kiến bằng văn bản¹⁰ của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; đồng thời, đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính và Trang thông tin về tài sản công để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định và các báo cáo có liên quan; tổ chức Hội nghị xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương¹¹. Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến bằng văn bản của ... Bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Các ý kiến tham gia đã được Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ tại Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị định.

3. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo, gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

4. Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP ngày ... đối với dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và chỉnh lý dự thảo Nghị định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. **Bố cục:** Dự thảo Nghị định gồm 04 Chương, 12 Điều quy định kèm 02 Phụ lục, cụ thể: Chương I. Quy định chung (03 Điều), Chương II. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị (03 Điều), Chương III. Tiêu chuẩn,

9 Công văn: số 12730/BTC-QLCS ngày 02/12/2022, số 11093/BTC-QLCS ngày 16/10/2024.

10 Công văn số .../BTC-QLCS ngày .../4/2025 của Bộ Tài chính.

11 Hội nghị tại tỉnh Thái Nguyên (ngày 27/02/2025), tại thành phố Hà Nội (ngày 03/4/2025), Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 04/4/2025).

định mức sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp (03 Điều), Chương IV. Điều khoản thi hành (03 Điều) và 02 Phụ lục.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Chương I. Quy định chung: Chương này gồm có 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức. Trong đó:

a) *Phạm vi điều chỉnh (Điều 1) và đối tượng áp dụng (Điều 2):* Bộ Tài chính đã báo cáo tại Phần III Tờ trình này.

b) *Về nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức (Điều 3):* Cơ bản kế thừa quy định tại Điều 4 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP; đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung:

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phù hợp với quy định khoản 2 Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.

- Bổ sung nguyên tắc cho phép điều hòa diện tích làm việc của các chức danh và giao thâm quyền cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bố trí diện tích làm việc cụ thể cho các chức danh bảo đảm tổng diện tích bố trí cho các chức danh không vượt quá tổng diện tích làm việc được xác định theo quy định để Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được chủ động bố trí phù hợp thực tế do một số trường hợp không thể bố trí chính xác diện tích cho từng chức danh, phòng làm việc chức danh (như: yêu cầu thiết kế, bố trí sử dụng khi tiếp nhận các trụ sở cũ, bố trí nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng trong cùng một trụ sở hoặc nhu cầu sử dụng thực tế,...).

- Bổ sung quy định về nguyên tắc xử lý đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động tại khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:

“6. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được quản lý, sử dụng đối với phần diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này. Đối với phần diện tích dôi dư (nếu có) thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ quản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận) xem xét, xử lý phần diện tích dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công theo hình thức: giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng; giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý) và hình thức khác phù

hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa xử lý thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng đối với phần diện tích này”.

Theo ý kiến của đa số các đơn vị trong Bộ và các Bộ, ngành, địa phương thì cần phải có quy định về nguyên tắc xử lý đối với các trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có trong trường hợp giao, điều chuyển và sau khi sắp xếp, tổ chức bộ máy mà có diện tích thực tế lớn hơn tiêu chuẩn, định mức của đơn vị nhận tài sản.

- Bổ sung quy định về tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc của Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết; nguyên tắc xác định chức danh, chức vụ tương đương để áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc bảo đảm phù hợp với Kết luận số 35-KL/TW và quy định nguyên tắc để bao quát thực tế phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính.

2.2. Chương II. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức gồm 03 Điều (từ Điều 4 đến Điều 6). Nội dung của Chương này kế thừa nội dung đã quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP hiện còn phù hợp với thực tế, đồng thời sửa đổi, bổ sung nội dung để tháo gỡ vướng mắc, bất cập phát sinh trong thực tiễn, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cụ thể:

a) Về diện tích làm việc của các chức danh (Điều 4)

(1) Hoàn thiện 02 Phụ lục chức danh (trung ương, địa phương) theo hệ thống chức danh theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương; trong đó, chia nhóm chức danh tại từng phụ lục tương tự như nhóm chức danh xe ô tô quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP và rà soát, hoàn thiện danh mục chức danh theo chủ trương của Đảng, nhà nước khi thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 121-KL/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận 127-KL/TW.

(2) Điều chỉnh tăng thêm diện tích làm việc tối đa của các chức danh so với quy định tại Nghị định 152/2017/NĐ-CP; đồng thời bổ sung và điều chỉnh nhóm các chức danh cho phù hợp với Kết luận 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở¹²;

¹² Ở Trung ương: (1) Nhóm chức danh từ Phó Vụ trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương trở lên (nhóm 6 tại Phụ lục số 01) đến nhóm chức danh Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội (nhóm 2): Tầng 15 m²; (2) Nhóm chức danh Trưởng phòng, ban và tương đương; Phó trưởng phòng, ban và tương đương (nhóm 7): Tầng 8m²; (3) Nhóm chức danh: Chức danh chuyên viên và các chức danh tương đương (Nhóm 8): Tầng 5m²; (4) Chức danh cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp (nhóm 9): Tầng 3m².

Trong đó: Đối với chức danh nhóm (2) đến nhóm (4) thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách, ngoài ra các chức danh này được bố trí diện tích cần thiết khác (nếu có); đối với chức danh nhóm (5), nhóm (6) thì diện tích tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách.

* Ở địa phương: (1) Nhóm chức danh từ Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc địa phương; Bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương trở lên (nhóm 6 tại Phụ lục số 02) đến nhóm chức danh Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (Nhóm 2): Tầng 15m²; (2) Nhóm chức danh Phó bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban

- Theo phản ánh của các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình đánh giá triển khai chính sách và tham gia ý kiến tại các hội nghị thì diện tích làm việc của các chức danh hiện nay còn hạn chế về diện tích, không đảm bảo điều kiện làm việc của các chức danh; trong khi thực tế hiện nay các phòng làm việc của lãnh đạo để phục vụ cho công việc đều phải bố trí phần diện tích để phục vụ họp, hội ý diện hẹp; theo đó, để kê một bộ bàn ghế họp khoảng 10 người thì cần khoảng 12-15 m², trong khi đó thực tế các đơn vị đa phần đều bố trí diện tích này để đảm bảo hiệu quả công việc, đủ diện tích nghiên cứu xử lý hồ sơ, trao đổi triển khai công việc, đặt tủ hồ sơ cá nhân, khoảng cách đi lại trong phòng, đặt các trang thiết bị kỹ thuật, đảm bảo dây chuyền làm việc giữa các bộ phận có liên quan,.... Khi bố trí như trên sẽ ảnh hưởng tới diện tích làm việc thực tế của các chức danh khác như chuyên viên; do vậy để phù hợp với thực tế hiện nay, dự thảo Nghị định quy định tăng thêm diện tích cho các chức danh như báo cáo nêu trên.

- Đ u báo cáo nêu trên.ho các c Ngh báo cá là báo cáo nêu trên.ho các chức danh hực tế của các chức danh khác như chuyên viên; do vậy để phù hợp với thực tế hiện nay, dự thảo Nghị định quy định công việc, đủ diện tíclàm vao báo cáo nêu trên.ho các chức danh xây dựng báo cáo nêu trên.ho các chức danh hực tế của các chức danh khác như chuyên viên; do làm vao báo cáo nêu trên.ho các chức danh cũ). Tr báo nôm vi Tr báo nêu trên.ho các chức danh tài sản cá nhân nêu trên.ho các chức danh hực tế của các cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức. Vì vậy, trên cơ sở tổng hợp ý kiến Bộ, ngành, địa phương và khó khăn vướng mắc và khó khăn ở các Nghương v quy định và khó khăn ở các chức danh hực tế của các cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức. Vì vậy, trên cơ sở tổng h.

b) Về diện tích sử dụng chung (Điều 5): Cơ bản kế thừa các loại diện tích theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP; điều chỉnh một số nội dung; cụ thể:

Theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, quy định diện tích sử dụng chung tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP thì diện tích sử dụng chung tối đa bằng 70% diện tích làm việc của các chức danh làm việc tại trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã; tối đa bằng 50% diện tích làm việc của các chức danh làm việc đối với các trường hợp còn lại). Việc xác định tổng diện tích sử dụng chung theo hiện hành chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế đối với một số trường hợp cụ thể (như các cơ

nhân dân cấp xã và tương đương; Trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh (nhóm 7): Tầng 8m²; (3) Nhóm chức danh: Trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã; Phó trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban ngành cấp tỉnh; Phó trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã (nhóm 8): Tầng 06m²; (4) Nhóm chức danh chuyên viên và các chức danh tương đương thuộc địa phương (bao gồm cả công chức cấp xã) (nhóm 9): Tầng 05m²; (5) Nhóm chức danh cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp: Tầng 03m². Bỏ quy định về diện tích làm việc của chức danh không chuyên trách ở cấp xã để phù hợp với định hướng “*Chấm dứt sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã*” tại Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính chính quyền 2 cấp.

Trong đó: Đối với chức danh nhóm (2), nhóm (3) thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách; ngoài ra các chức danh này được bố trí diện tích cần thiết khác (nếu có); đối với chức danh từ nhóm (4) đến nhóm (6) thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách.

quan, tổ chức, đơn vị có số lượng biên chế không nhiều), nếu xác định theo quy định không đủ để bố trí diện tích sử dụng chung như hội trường dưới 100 chỗ, sảnh chính, sảnh phụ, kho lưu trữ hồ sơ...); vì vậy, việc quy định như dự thảo để đảm bảo tính chủ động, linh hoạt, không gian, quang cảnh của trụ sở làm việc nhưng vẫn phù hợp quy định của pháp luật.

Qua tổng hợp 106 ý kiến thì có 100 Bộ ngành địa phương có ý kiến về diện tích sử dụng chung; trong đó có 56 Bộ, ngành địa phương đề nghị giữ nguyên, có 44 Bộ, ngành, địa phương đề nghị tăng định mức thông qua tăng tỷ lệ (%) xác định diện tích sử dụng chung (lên mức 60%-100%), tăng thâm quyền của Bộ, ngành, địa phương (từ tăng dưới 10% lên 20%), hoặc điều chỉnh các loại diện tích ra khỏi diện tích sử dụng chung (như: **(1)** chuyển diện tích các sảnh chính, sảnh phụ và hành lang, ban công, phòng vệ sinh thực hiện theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCVN4601:2012; **(2)** không tính hội trường, phòng họp vào diện tích dùng chung; **(3)** chuyển “Phòng họp (bao gồm hội trường dưới 100 chỗ ngồi)” thành “Phòng họp (bao gồm hội trường dưới 50 chỗ ngồi”,...); **(4)** diện tích sử dụng chung được thực hiện theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam).

Từ cơ sở trên, dự thảo Nghị định quy định theo hướng liệt kê diện tích sử dụng phục vụ hoạt động chung trong trụ sở làm việc của cơ quan tổ chức, đơn vị, đồng thời giao cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, bố trí sử dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công căn cứ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích sử dụng chung cho từng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý phù hợp với khu đất xây dựng và quy hoạch tổng mặt bằng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Diện tích sử dụng chung không bao gồm diện tích chiếm chỗ của cột, tường, hộp kỹ thuật, cầu thang và thang máy, sảnh và hành lang, diện tích nhà để xe; các phần diện tích này thực hiện theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

c) Về diện tích chuyên dùng (Điều 6): Tại dự thảo Nghị định quy định theo hướng:

- Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị: Kế thừa quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ đối với diện tích chuyên dùng còn phù hợp; đồng thời dự thảo Nghị định bổ sung: (1) Kho lưu trữ chuyên dùng (nếu có); (2) Nhà lưu trú (nếu có) để phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức được căn cứ theo tiêu theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, quy định về chức năng, nhiệm vụ, văn bản thể hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền quyết định và quy định khác có liên quan. Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành để quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc các lĩnh vực này cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

- Về thẩm quyền: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Bộ quy định xin ý kiến Bộ Tài chính trước khi Bộ, cơ quan trung ương ban hành TCĐM sử dụng diện tích chuyên dùng tại khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

Theo ý kiến của các đơn vị trong Bộ và các Bộ, ngành, địa phương, hiện nay thiếu kho lưu trữ hồ sơ đối với tài liệu lưu trữ của các cơ quan có tính đặc thù như: cơ quan đảng, cơ quan khối thanh tra giao thông, văn phòng đăng ký đất đai,...; vì vậy, dự thảo Nghị định đã bổ sung đối với diện tích chuyên dùng này; đồng thời quy định trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành để quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc các lĩnh vực này cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý (ví dụ đối với kho lưu trữ chuyên dụng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 09/2007/TT-BNV ngày 26/11/2007 hướng dẫn về kho lưu trữ chuyên dụng).

Đối với diện tích nhà lưu trú, các Cục có ngành dọc thuộc Bộ Tài chính và nhiều địa phương có ý kiến cần phải quy định có diện tích nhà lưu trú để bố trí cho cán bộ, công chức, người lao động khi nơi ở xa nơi làm việc do sắp xếp tổ chức bộ máy nên cần có nhà lưu trú để tạm bố trí cho cán bộ, công chức, người lao động để ổn định cuộc sống trong giai đoạn đầu khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính.

Ngoài ra, để tăng cường tính phân cấp, phân quyền và chủ động, tự chịu trách nhiệm của Bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm về việc ban hành các diện tích đặc thù phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nên tại dự thảo bỏ quy định các Bộ, cơ quan trung ương ban hành trước khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phải xin ý kiến Bộ Tài chính.

3. Chương III. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp gồm có 03 Điều (Điều 7, 8 và 9) quy định về các nội dung:

a) Về diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng (Điều 7, Điều 8): Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP; đồng thời bổ sung quy định:

- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng trong cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện như quy định của cơ quan nhà nước.

- Đối với các chức danh làm việc trong một số lĩnh vực như: Giảng viên, giáo viên, bác sỹ, y tá, hộ lý, nhà khoa học thì diện tích làm việc của các chức danh này được bố trí phù hợp với tính chất công việc trong diện tích công trình sự nghiệp

quy định tại Điều 10 Nghị định này hoặc điện tích làm việc của chức danh theo quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 Điều 4 Nghị định này.

- Bổ sung quy định người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức điện tích chuyên dùng cơ sở hoạt động sự nghiệp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

b) Về điện tích công trình sự nghiệp (Điều 9):

Về cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 152; tuy nhiên để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, dự thảo Nghị định quy định căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức điện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Điện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Căn cứ quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động đặc thù của đơn vị, theo Tiêu chuẩn quốc gia về công sở cơ quan hành chính nhà nước và các quy định khác có liên quan, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức điện tích chuyên dùng cụ thể của từng đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích công trình sự nghiệp (bao gồm cả điện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

4. Chương IV. Điều khoản thi hành

Chương này gồm có 03 Điều (từ Điều 10 đến Điều 12) quy định về các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Về xử lý chuyển tiếp (Điều 11): Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quyết định điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này hoặc tiếp tục thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức đã xác định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện rà soát; trường hợp còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành trước đây; không phải ban hành lại. Trong trường hợp này, cơ quan,

người có thẩm quyền có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện.

- Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có đang thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định này và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

a) Về trách nhiệm thi hành (Điều 12): Cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 152/2027/NĐ-CP; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung:

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ liên quan, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm có ý kiến về các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực phụ trách hoặc có văn bản yêu cầu bổ sung thông tin, hồ sơ; trường hợp quá hạn mà Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo không có ý kiến bằng văn bản thì chịu trách nhiệm về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực phụ trách nếu việc quyết định tiêu chuẩn, định mức của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương không phù hợp với quy định của pháp luật về Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có cơ sở thực hiện.

- Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: (i) Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật; bảo đảm quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, tiêu cực; (ii) Có ý kiến theo đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định (đối với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo); (iii) Chỉ đạo việc xử lý chuyển tiếp theo Điều 11 Nghị định; (iv) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN (NẾU CÓ)

Nghị định khi được thông qua vẫn sử dụng bộ máy và công chức hiện có để thực hiện; không làm phát sinh thêm tổ chức bộ máy và biên chế nên không làm phát sinh tăng kinh phí tuân thủ do không phát sinh các chi phí hành chính liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị định.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

VIII. VỀ CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VỀ LÒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định không quy định thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục

hành chính (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ) và không có nội dung về liên quan đến vấn đề bình đẳng giới.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp. Hồ sơ trình dự thảo Nghị định gồm:

- Dự thảo Tờ trình.
- Dự thảo Nghị định.
- Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.
- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội.
- Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP Phạm Minh Chính (để b/c);
- Phó TTgCP Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Lưu: VT, QLCS. (06)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Khăng

DỰ THẢO 02

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức
sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dữ trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp gồm diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng.

Diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng là diện tích được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc. Trường hợp giao, điều chuyển đối với trụ sở làm việc mà chỉ có thông tin về diện tích sàn xây dựng thì xác định diện tích thông thủy (diện tích sàn sử dụng) bằng 85% của diện tích sàn xây dựng.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tiêu

chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

3. Đối với diện tích đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác định căn cứ diện tích trụ sở làm việc, diện tích cơ sở hoạt động sự nghiệp theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả các tổ chức thành viên là tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các chức danh làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về viên chức;

b) Cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Người hoạt động không chuyên trách (nếu có) ở cấp xã theo quy định của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã).

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng và xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh thì được áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức diện tích của chức danh có tiêu chuẩn, định mức sử dụng cao nhất.

Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc theo chức vụ đang công tác. Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định này, khi cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Phụ lục

số 01, Phụ lục số 02 thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của chức danh, chức vụ tương đương.

Trong thời gian chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ tương đương với chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Nghị định này thì xác định chức danh, chức vụ tương đương theo mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ tương đương với chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Diện tích làm việc của các chức danh quy định tại Nghị định này là diện tích tối đa. Phòng làm việc của các chức danh quy định tại Nghị định này là phòng làm việc theo thiết kế trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Tổng diện tích làm việc của các chức danh được xác định trên cơ sở số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí làm việc được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc - nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật hoặc định hướng biên chế, số lượng người làm việc xác định trong định hướng phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức.

5. Căn cứ thiết kế và hiện trạng của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bố trí diện tích làm việc cụ thể cho các chức danh có thể cao hơn hoặc thấp hơn diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 4, Điều 7 Nghị định này nhưng bảo đảm tổng diện tích bố trí cho các chức danh không vượt quá tổng diện tích làm việc được xác định theo quy định tại Điều 4, Điều 7 Nghị định này.

6. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được quản lý, sử dụng đối với phần diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này. Đối với phần diện tích dôi dư (nếu có) thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ quản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận) xem xét, xử lý phần diện tích dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công theo hình thức: giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng; giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý) và hình thức khác phù hợp đảm

bảo tiết kiệm, hiệu quả; trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa xử lý thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng đối với phần diện tích này.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 4. Diện tích làm việc của các chức danh

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của các chức danh thuộc trung ương được quy định chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị định này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của các chức danh thuộc địa phương được quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Diện tích sử dụng chung

1. Diện tích sử dụng chung là diện tích sử dụng phục vụ hoạt động chung trong trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, gồm:

a) Phòng tiếp nhận và trả hồ sơ (bộ phận một cửa), phòng tiếp dân, phòng văn thư đánh máy - hành chính - quản trị, phòng nhân sao tài liệu;

b) Phòng tiếp khách (trong nước, quốc tế);

c) Hội trường/Phòng họp từ 100 chỗ ngồi trở xuống;

d) Phòng lưu trữ, phòng hồ sơ, phòng tư liệu và kho sách;

đ) Phòng máy tính và quản trị mạng;

e) Phòng thường trực, bảo vệ hoặc phòng bảo vệ có yêu cầu trực đêm; phòng truyền thống; phòng y tế; nhà ăn; kho thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm; nơi thu gom giấy loại và rác thải; nhà làm việc của đội xe; khu vệ sinh;

g) Diện tích sử dụng chung khác không thuộc diện tích quy định tại Điều 4, Điều 6 Nghị định này.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, bố trí sử dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công căn cứ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều này cho từng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý phù hợp quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp

chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đảm bảo tính ổn định, lâu dài, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Diện tích sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm diện tích chiếm chỗ của cột, tường, hộp kỹ thuật, cầu thang và thang máy, sảnh và hành lang, diện tích nhà để xe; các phần diện tích này thực hiện theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

Điều 6. Diện tích chuyên dùng

1. Diện tích chuyên dùng là diện tích sử dụng để phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, gồm:

- a) Hội trường/Phòng họp trên 100 chỗ ngồi;
- b) Diện tích sử dụng cho hoạt động xét xử, hỏi cung trong trụ sở của cơ quan tư pháp; diện tích giao dịch của hệ thống ngân hàng nhà nước, kho bạc nhà nước;
- c) Kho chuyên ngành như: Kho dự trữ quốc gia, kho bảo quản tiền, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, chứng từ có giá và kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành;
- d) Kho lưu trữ chuyên dụng;
- đ) Nhà lưu trú (nếu có);
- e) Diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức (nếu có).

2. Việc xác định cụ thể diện tích chuyên dùng để phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức được căn cứ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, quy định về chức năng, nhiệm vụ, văn bản thể hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định và quy định khác có liên quan.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành để quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc các lĩnh vực này cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

5. Quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Điều 7. Diện tích làm việc của các chức danh

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của các chức danh thuộc trung ương được quy định chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Nghị định này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của các chức danh thuộc địa phương được quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Nghị định này.

3. Đối với các chức danh làm việc trong một số lĩnh vực như: Giảng viên, giáo viên, bác sỹ, y tá, hộ lý, nhà khoa học thì diện tích làm việc của các chức danh này được bố trí phù hợp với tính chất công việc trong diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Điều 9 Nghị định này hoặc diện tích làm việc của chức danh theo quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 Điều 4 Nghị định này.

Điều 8. Diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng

1. Diện tích sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Diện tích chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cơ sở hoạt động sự nghiệp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 9. Diện tích công trình sự nghiệp

1. Công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao và du lịch, thông tin, truyền thông và báo chí, khoa học và công nghệ, ngoại giao, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và các lĩnh vực khác được xác định là diện tích chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo:

a) Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp về y tế, giáo dục và đào tạo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Căn cứ quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động đặc thù của đơn vị, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định khác có liên quan, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cụ thể của từng đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp (bao gồm cả diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp được công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.
2. Bãi bỏ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 11. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở

làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quyết định điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này hoặc tiếp tục thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức đã xác định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thực hiện rà soát; trường hợp còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành trước đây; không phải ban hành lại. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện.

3. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có đang thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định này và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

Trong thời gian Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy lấy ý kiến của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi thực hiện điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có ý kiến bằng văn bản thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định này, trong đó nêu rõ quá trình lấy ý kiến của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo; trong trường hợp này, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước nếu tiêu

chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo không phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật; bảo đảm quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, tiêu cực;

b) Có ý kiến theo đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này (đối với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo);

c) Chỉ đạo việc xử lý chuyển tiếp theo Điều 11 Nghị định này;

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và các chức danh làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM.CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Công báo;
- Lưu: Văn thư, CN (2b).

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Phụ lục số 01	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của các chức danh thuộc trung ương.
Phụ lục số 02	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của các chức danh thuộc địa phương.

PHỤ LỤC SỐ 01
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH LÀM VIỆC
CỦA CÁC CHỨC DANH THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
1	Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.	Được bố trí theo yêu cầu công tác
2	Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội.	60 75
3	- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; các chức danh, chức vụ tương đương. - Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các chức danh, chức vụ tương đương.	50 65
4	- Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các chức danh, chức vụ tương đương. - Thứ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Trợ lý các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư; các chức danh, chức vụ tương đương.	40 55

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
	- Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các chức danh, chức vụ tương đương.	
5	- Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; các chức danh, chức vụ tương đương. - Phó Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Phó Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Giám đốc học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; các chức danh, chức vụ tương đương. - Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương.	25 40
6	Phó Cục trưởng, Phó vụ trưởng và tương đương.	15 30
7	- Trưởng phòng, ban và tương đương - Phó trưởng phòng, ban và tương đương.	12 20
8	Chuyên viên và các chức danh tương đương.	10 15
9	Cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp.	7 10

Ghi chú:

- Đối với chức danh từ STT 2 đến STT 4 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách, ngoài ra các chức danh này được bố trí diện tích cần thiết khác (nếu có).

- Đối với chức danh từ STT 5, STT 6 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách./.

PHỤ LỤC SỐ 02

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH LÀM VIỆC
CỦA CÁC CHỨC DANH THUỘC ĐỊA PHƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
1	Các chức danh của địa phương là Ủy viên Trung ương chính thức, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư Áp dụng quy định tại STT (2) tại Phụ lục số 01 Nghị định này.	Áp dụng quy định tại STT (2) tại Phụ lục số 01 Nghị định này
2	Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.	50 65
3	- Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh). - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.	40 55
4	- Ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy. - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	30 45
5	Giám đốc sở, trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc địa phương.	25 40
6	- Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc địa phương. - Bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương. - Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương.	15 30

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m^2 /người)
7	- Phó bí thư đảng uỷ cấp xã và tương đương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương. - Trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh.	42 20
8	- Trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã. - Phó trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban ngành cấp tỉnh. - Phó trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã.	42 18
9	Chuyên viên và các chức danh tương đương thuộc địa phương (bao gồm cả công chức cấp xã).	40 15
10	Cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp.	7 10
11	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (nếu có)	5

Ghi chú:

- Đối với chức danh từ STT 2, STT 3 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách, ngoài ra các chức danh này được bố trí diện tích cần thiết khác (nếu có).

- Đối với chức danh từ STT 4 đến STT 6 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách./.

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA NGHỊ ĐỊNH SỐ 152/2017/NĐ-CP NGÀY 27/12/2017 CỦA CHÍNH PHỦ

(Đính kèm hồ sơ gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương)

STT	Quy định tại ND 152/2017/NĐ-CP	Dự kiến sửa đổi	Thuyết minh
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
	Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Dự thảo quy định cụ thể hơn: Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp <u><i>gồm diện tích làm việc của các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng.</i></u> Bổ sung cách xác định tỷ lệ quy đổi giữa diện tích sàn sử dụng so với diện tích sàn xây dựng theo hướng: diện tích thông thủy (diện tích sàn sử dụng) bằng 85% của diện tích sàn xây dựng để thực hiện giao, điều chuyển đối với trụ sở làm việc mà chỉ có thông tin về diện tích sàn xây dựng.	Để thống nhất trong cách hiểu và làm cơ sở cho trường hợp giao, điều chuyển khi không có thông tin về diện tích sàn sử dụng như quy định hiện hành tại ND 152.
2	Điều 4. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức	Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức	
2.1	1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.	1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng và xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.	Để phù hợp với quy định khoản 2 Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
	2. Diện tích làm việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là diện tích sử dụng được xác định cho một chỗ làm việc. Một người giữ nhiều chức danh thì áp dụng theo diện tích của chức danh có tiêu chuẩn, định mức sử dụng cao nhất.	Bổ sung quy định: Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc theo chức vụ đang công tác. Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định này, khi cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ đối tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc	Danh mục chức danh tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP chưa cập nhật theo hệ thống chức danh, chức vụ theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022; đồng thời, hiện nay, đang trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy nên có thể phát sinh trường hợp nhiều chức danh mới chưa được quy định tại các Phụ lục. Do đó, dự thảo đã bổ sung chức danh Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết để phù hợp với Kết luận số 35-KL/TW và quy định nguyên tắc để bao quát

		<i>của chức danh, chức vụ tương đương.</i> <i>Trong thời gian chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định chức danh, chức vụ tương đương với chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Nghị định này thì xác định chức danh, chức vụ tương đương theo mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ tương đương với chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.</i>	thực tế phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính.
4. Tổng diện tích làm việc của các chức danh được xác định trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo định hướng biên chế, số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) tại thời điểm xác định.	4. Tổng diện tích làm việc của các chức danh được xác định trên cơ sở số lượng biên chế hoặc số người làm việc theo đề án vị trí làm việc được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn (bao gồm cả các đơn vị thuộc, trực thuộc – nếu có) được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật hoặc định hướng biên chế, số lượng người làm việc xác định trong định hướng phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức.	Phù hợp với quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.	
	Bổ sung quy định khoản 5 Điều 3: <i>5. Căn cứ thiết kế và hiện trạng của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bố trí diện tích làm việc cụ thể cho các chức danh có thể cao hơn hoặc thấp hơn diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Điều 4, Điều 7 Nghị định này nhưng bảo đảm tổng diện tích bố trí cho các chức danh không vượt quá tổng diện tích làm việc được xác định theo quy định tại Điều 4, Điều 7 Nghị định này.</i>	Tại dự thảo Nghị định bổ sung nguyên tắc điều hòa diện tích làm việc của các chức danh và giao thẩm quyền cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bố trí diện tích làm việc cụ thể cho các chức danh bảo đảm tổng diện tích bố trí cho các chức danh không vượt quá tổng diện tích làm việc được xác định theo quy định tại Điều 4, Điều 7 Nghị định. Lý do: Để Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được chủ động bố trí phù hợp thực tế do một số trường hợp không thể bố trí chính xác diện tích cho từng chức danh, phòng làm việc chức danh (như: yêu cầu thiết kế, bố trí sử dụng khi tiếp nhận các trụ sở cũ, bố trí nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng trong cùng một trụ sở	

			hoặc nhu cầu sử dụng thực tế,...).
		Bổ sung quy định về nguyên tắc xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có trong quá trình sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính, cụ thể: <i>“6. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động.</i> <i>Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được quản lý, sử dụng đối với phần diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này. Đối với phần diện tích dôi dư (nếu có) thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận) xem xét, xử lý phần diện tích dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công theo hình thức: giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng; giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý) và hình thức khác phù hợp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa xử lý thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng đối với phần diện tích này”.</i>	Theo ý kiến của đa số các Bộ, ngành, địa phương tại Hội nghị ngày 03-04/2025 thì để kịp thời xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tận dụng tối đa trụ sở hiện có cần phải có quy định xử lý đối với các trụ sở này khi thực hiện giao, điều chuyển, bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (kể cả diện tích trụ sở hiện có có diện tích lớn hơn diện tích làm việc của đơn vị tiếp nhận). Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận, đơn vị tiếp nhận phải xác định cụ thể diện tích làm việc theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này, đối với phần diện tích dôi dư (nếu có) thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh (của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận) xem xét, xử lý phần diện tích dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công theo hình thức: giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng; giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý) và hình thức khác phù hợp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa xử lý thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng đối với phần diện tích này.
Chương II. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức			

3	Điều 5. Diện tích làm việc của chức danh	Hoàn thiện 02 Phụ lục chức danh (trung ương, địa phương) theo hệ thống chức danh theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương; trong đó, chia nhóm chức danh tại từng phụ lục tương tự như nhóm chức danh xe ô tô quy định tại Nghị định 72/2023/NĐ-CP và rà soát, hoàn thiện danh mục chức danh theo chủ trương của Đảng, nhà nước khi thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 121-KL/TW, Kết luận số 126-KL/TW, Kết luận 127-KL/TW. - Dự thảo quy định điều chỉnh tăng thêm diện tích tối đa làm việc theo quy định hiện hành đối với từng chức danh sau khi rà soát trong đó có chức danh tăng lên 15m², có chức danh tăng 8m², có chức danh tăng 5m², có chức danh tăng 3m². * Ở Trung ương: Nhóm 2¹: Từ 60 m² lên 75m²; Nhóm 3²: Từ 50 m² lên 65m²; Nhóm 4³: Từ 40m² lên 55m²; Nhóm 5⁴: Từ 25m² lên 40m²; Nhóm 6 (Phó vụ trưởng và tương đương): Từ 15m² lên 30m²; Nhóm 7 (Trưởng phòng, Phó trưởng phòng): Từ 12m² lên 18m²; Nhóm 8 (Chuyên viên và tương đương): Từ 10m² lên 15m²; Nhóm 9⁵: Từ 7m² lên 10 m². * Ở địa phương: Nhóm 1: Các chức danh của địa phương là Ủy viên Trung ương chính thức, Ủy viên Bộ Chính trị,	- Theo phản ánh của các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình đánh giá triển khai chính sách thì diện tích làm việc của các chức danh hiện nay còn hạn chế về diện tích, không đảm bảo điều kiện làm việc của các chức danh; trong khi thực tế hiện nay các phòng làm việc của lãnh đạo để phục vụ cho công việc đều phải bố trí phần diện tích để phục vụ họp, hội ý diện hẹp. Tuy nhiên, để kê một bộ bàn ghế họp khoảng 10 người thì cần khoảng 12-15 m², trong khi đó thực tế các đơn vị đa phần đều bố trí diện tích này để đảm bảo hiệu quả công việc, đủ diện tích nghiên cứu xử lý hồ sơ, trao đổi triển khai công việc, đặt tủ hồ sơ cá nhân, khoảng cách đi lại trong phòng, đặt các trang thiết bị kỹ thuật, đảm bảo dây chuyền làm việc giữa các bộ phận có liên quan,... Khi bố trí như vậy sẽ ảnh hưởng tới diện tích làm việc thực tế của các chức danh khác như chuyên viên; do vậy để phù hợp với thực tế hiện nay, dự thảo Nghị định quy định tăng thêm diện tích cho các chức danh (<i>Ở Trung ương tăng thêm:</i> Từ Cục phó, Vụ phó trở lên: 15 m²; Trưởng, phó phòng: 08m²; Chuyên viên: 05 m²; Cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm
---	---	--	---

¹ **Nhóm 2:** Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam; Chánh án TANDTC; Viện trưởng Viện KSNDTC; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội

² **Nhóm 3:** Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; các chức danh, chức vụ tương đương)

³ **Nhóm 4** Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch UBTWMTTQ Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm VPQH; Phó Chánh án TANDTC, Phó Viện trưởng Viện KSNDTC; các chức danh, chức vụ tương đương; Thứ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Trợ lý các lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư; các chức danh, chức vụ tương đương; Thẩm phán TANDTC, Kiểm sát viên Viện KSNDTC; các chức danh, chức vụ tương đương)

⁴ **Nhóm 5:** Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; các chức danh, chức vụ tương đương; Phó Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Phó Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Giám đốc học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; các chức danh, chức vụ tương đương; Vụ trưởng và tương đương)

⁵ **Nhóm 9:** Cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp)

		Ủy viên Ban Bí thư (Áp dụng tương tự chức danh tại trung ương); Nhóm 2⁶: Từ 50m² lên 65m²; Nhóm 3⁷: Từ 40m² lên 55m²; Nhóm 4⁸ (từ 30m² lên 45m²); Nhóm 5 (Giám đốc sở, trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc địa phương; Bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương): Từ 25m² lên 40m²; Nhóm 5 (Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc địa phương; Phó bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương; chủ tịch HĐND, UBND cấp xã và tương đương): Từ 15m² lên 25m²; Nhóm 7⁹: Từ 12m² lên 20m²; Nhóm 8¹⁰: Từ 10m² lên 15m²; Nhóm 9¹¹: Từ 7 m² lên 10 m².	chuyên môn: 3m²; <i>Ở địa phương tăng thêm</i>: Từ Phó Giám đốc sở, Phó trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương, Bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương trở lên: 15m²; Các chức danh còn lại: Điều chỉnh tương đương với các chức danh ở trung ương). - Định mức quy định tại dự thảo Nghị định là định mức tối đa và áp dụng chung; do đó, quy định phải đảm bảo khả thi trong phạm vi cả nước. Việc bố trí sử dụng cụ thể còn phụ thuộc khả năng ngân sách (đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp xây dựng mới), nguồn lực cơ sở vật chất hiện có (đối với việc giao, điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cũ). Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là tài sản được sử dụng ổn định trong thời gian dài và là cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức. Vì vậy, trên cơ sở tổng hợp ý kiến Bộ, ngành, địa phương và khó khăn vướng mắc hiện nay, dự thảo Nghị định quy định để đảm bảo việc sử dụng ổn định cũng như điều kiện làm việc, đồng thời, hạn chế việc phải sửa đổi liên tục hệ thống tiêu chuẩn, định mức.
4.	Điều 6. Diện tích sử dụng chung		
	1. Diện tích sử dụng chung là diện tích sử	Dự thảo quy định theo hướng liệt kê diện tích sử dụng	Theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP

⁶ **Nhóm 2**: Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh

⁷ **Nhóm 3**: Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng đoàn ĐBQH chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

⁸ **Nhóm 4**: Ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch UBNDTTQ Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phó chủ tịch HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁹ **Nhóm 7**: Trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; Trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã; Phó trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban ngành cấp tỉnh; Phó trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã;

¹⁰ **Nhóm 8**: Chuyên viên và các chức danh tương đương thuộc địa phương

¹¹ **Nhóm 9**: Cá nhân ký hợp đồng lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong đơn vị sự nghiệp

dụng phục vụ hoạt động chung trong trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức; bao gồm: phòng họp (bao gồm hội trường dưới 100 chỗ ngồi); phòng khách; phòng thường trực, bảo vệ; phòng y tế; phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu thông thường; phòng thiết bị, dụng cụ văn phòng phẩm; phòng tổng đài điện thoại; phòng văn thư đánh máy - hành chính - quản trị; phòng nhân sao tài liệu; phòng tiếp khách quốc tế; nhà ăn, căng tin; phòng truyền thống; thư viện; diện tích các sảnh chính, sảnh phụ và hành lang, ban công; phòng thu gom giấy loại và rác thải; phòng vệ sinh; diện tích chỗ để dụng cụ vệ sinh; nhà làm việc của đội xe và diện tích cần thiết khác không thuộc diện tích làm việc của các chức danh, diện tích chuyên dùng quy định tại Điều 5, Điều 7 Nghị định này. Diện tích sử dụng chung không bao gồm diện tích chiếm chỗ của cột, tường, hộp kỹ thuật, cầu thang, diện tích nhà để xe; các phần diện tích này thực hiện theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. 2. Diện tích sử dụng chung trong trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức được tính như sau: a) Tối đa bằng 50% tổng diện tích làm việc của các chức danh trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; b) Tối đa bằng 70% tổng diện tích làm việc của các chức danh làm việc tại trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã. 3. Thẩm quyền quyết định trong trường hợp cần bố trí diện tích sử dụng chung cao	phục vụ hoạt động chung trong trụ sở làm việc của cơ quan tổ chức, đơn vị, đồng thời giao cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, bố trí sử dụng theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công căn cứ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích sử dụng chung cho từng cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý phù hợp với khu đất xây dựng và quy hoạch tổng mặt bằng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Diện tích sử dụng chung gồm: (1) Phòng tiếp nhận và trả hồ sơ (bộ phận một cửa), phòng tiếp dân, phòng văn thư đánh máy - hành chính - quản trị, phòng nhân sao tài liệu. (2) Phòng tiếp khách (trong nước, quốc tế). (3) Hội trường/Phòng họp từ 100 chỗ ngồi trở xuống. (4) Phòng lưu trữ, phòng hồ sơ, phòng tư liệu và kho sách. (5) Phòng máy tính và quản trị mạng. (6) Phòng thường trực, bảo vệ hoặc phòng bảo vệ có yêu cầu trực đêm; phòng truyền thống; phòng y tế; nhà ăn; kho thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm; nơi thu gom giấy loại và rác thải; nhà làm việc của đội xe; khu vệ sinh. (7) Diện tích sử dụng chung khác. Diện tích sử dụng chung không bao gồm diện tích chiếm chỗ của cột, tường, hộp kỹ thuật, cầu thang và thang máy, sảnh và hành lang, diện tích nhà để xe; các phần diện tích này thực hiện theo theo Tiêu chuẩn quốc gia về công sở cơ quan hành chính nhà nước.	thì diện tích sử dụng chung tối đa bằng 70% diện tích làm việc của các chức danh làm việc tại trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã; tối đa bằng 50% diện tích làm việc của các chức danh làm việc đối với các trường hợp còn lại). Việc xác định tổng diện tích sử dụng chung theo hiện hành chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế đối với một số trường hợp cụ thể (như các cơ quan, tổ chức, đơn vị có số lượng biên chế không nhiều), nếu xác định theo quy định không đủ để bố trí diện tích sử dụng chung như hội trường dưới 100 chỗ, sảnh chính, sảnh phụ, kho lưu trữ hồ sơ...); vì vậy, việc quy định như dự thảo để đảm bảo tính chủ động, linh hoạt, không gian, quang cảnh của trụ sở làm việc nhưng vẫn phù hợp quy định của pháp luật.
--	--	---

	hơn quy định tại khoản 2 Điều này để đảm bảo yêu cầu sử dụng của trụ sở làm việc: a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích tăng dưới 10% so với diện tích quy định tại khoản 2 Điều này; b) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với trường hợp có yêu cầu về diện tích tăng từ 10% trở lên so với diện tích quy định tại khoản 2 Điều này theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với cơ quan, tổ chức thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan, tổ chức thuộc địa phương quản lý).	
5	Điều 7. Diện tích chuyên dùng	
	1. Diện tích chuyên dùng là diện tích sử dụng để phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức; bao gồm: a) Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính, tiếp dân, quản trị hệ thống công nghệ thông tin; b) Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) có tần suất sử dụng thường xuyên, liên tục; c) Diện tích sử dụng cho hoạt động xét xử, hội tụng trong trụ sở của cơ quan tư pháp; diện tích giao dịch của hệ thống ngân hàng nhà nước, kho bạc nhà nước;	Tại dự thảo quy định theo hướng: - Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị: Kế thừa quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ đối với diện tích chuyên dùng còn phù hợp; đồng thời dự thảo Nghị định bổ sung: (1) Kho lưu trữ chuyên dùng (nếu có); (2) Nhà lưu trú (nếu có) để phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức được căn cứ theo tiêu theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, quy định về chức năng, nhiệm vụ, văn bản thể hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền quyết định và quy định khác có liên quan. Trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì Theo ý kiến của các đơn vị trong Bộ và các Bộ, ngành, địa phương tại Hội nghị ngày 03-04/4/2025 hiện nay thiếu kho lưu trữ hồ sơ đối với tài liệu lưu trữ của các cơ quan có tính đặc thù như: cơ quan đảng, cơ quan khối thanh tra giao thông, văn phòng đăng ký đất đai,...; vì vậy, dự thảo Nghị định đã bổ sung đối với diện tích chuyên dùng này; đồng thời quy định trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành để quyết định tiêu chuẩn,

	d) Kho chuyên ngành như: Kho dự trữ quốc gia, kho bảo quản tiền, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, chứng từ có giá và kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành; đ) Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức (nếu có). 2. Bộ, cơ quan trung ương ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức thuộc trung ương quản lý); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với cơ quan, tổ chức thuộc địa phương quản lý). 3. Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng được công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành để quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc các lĩnh vực này cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý. - Về thẩm quyền: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. - Bộ quy định xin ý kiến Bộ Tài chính trước khi Bộ, cơ quan trung ương ban hành TCDM sử dụng diện tích chuyên dùng tại khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.	định mức diện tích chuyên dùng thuộc các lĩnh vực này cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý (ví dụ đối với kho lưu trữ chuyên dụng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 09/2007/TT-BNV ngày 26/11/2007 hướng dẫn về kho lưu trữ chuyên dụng). Đối với diện tích nhà lưu trú, các Cục có ngành dọc thuộc Bộ và nhiều địa phương có ý kiến cần phải quy định có diện tích nhà lưu trú để bố trí cho cán bộ, công chức, người lao động khi nơi ở xa nơi làm việc do sắp xếp tổ chức bộ máy nên cần có nhà lưu trú để tạm bố trí cho cán bộ, công chức, người lao động để ổn định cuộc sống trong giai đoạn đầu khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính. Ngoài ra, để tăng cường tính phân cấp, phân quyền và chủ động, tự chịu trách nhiệm của Bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm về việc ban hành các diện tích đặc thù phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nên tại dự thảo bộ quy định các Bộ, cơ quan trung ương ban hành trước khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phải xin ý kiến Bộ Tài chính.
	Chương III. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp		
6	Điều 8. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc	Điều 7. Diện tích làm việc của các chức danh Điều 8. Diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng	
	1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích nhà làm việc thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp: a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của các chức danh thực hiện theo	Sửa theo hướng: - Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng trong cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện như quy	Để tăng cường tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương về việc ban hành các diện tích của chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng như cơ quan, tổ chức phù hợp chức năng, nhiệm

	quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Nghị định này; b) Diện tích sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này; c) Diện tích chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này. 2. Đối với các chức danh làm việc trong một số lĩnh vực như: Giáo viên, bác sỹ, y tá, hộ lý, diện tích làm việc được bố trí phù hợp với tính chất công việc trong diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Điều 9 Nghị định này.	định của cơ quan nhà nước. - Đối với các chức danh làm việc trong một số lĩnh vực như: Giảng viên, giáo viên, bác sỹ, y tá, hộ lý, nhà khoa học thì diện tích làm việc của các chức danh này được bố trí phù hợp với tính chất công việc trong diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Điều 10 Nghị định này hoặc diện tích làm việc của chức danh theo quy định tại Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 Điều 4 Nghị định này. - Bổ sung quy định người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cơ sở hoạt động sự nghiệp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.	vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đồng thời đề chủ động giao người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cơ sở hoạt động sự nghiệp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.
7	Điều 9. Diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp	Điều 10. Diện tích công trình sự nghiệp	
	1. Công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, ngoại giao, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và các lĩnh vực khác được xác định là diện tích chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập. 2. Diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: a) Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp về y tế, giáo dục và đào tạo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ LĐTB-XH; b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại điểm a	Về cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 152; tuy nhiên để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, dự thảo Nghị định quy định căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. - Diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Căn cứ quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động đặc thù của đơn vị, theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định khác có liên quan, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Ban Thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng cụ thể của từng đơn vị thuộc phạm vi quản lý;	

khoản này, Bộ, cơ quan trung ương ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo tại đơn vị. 3. Diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Bộ, cơ quan trung ương ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị. 4. Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định	trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp (bao gồm cả diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.	
---	--	--

	mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp được công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh.		
8	Quy định xử lý chuyển tiếp (Điều 11)	Điều 12. Xử lý chuyển tiếp	
	1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này. 2. Bộ, cơ quan trung ương đã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích phụ trợ phục vụ các nhiệm vụ đặc thù của các Bộ, cơ quan trung ương theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành, bảo đảm phù hợp với quy định về diện tích chuyên dùng tại Nghị định này thì tiếp tục thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức đã ban hành	Để thuận lợi trong thực tế thực hiện đối với các trường hợp đang thực hiện khi Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tại dự thảo Nghị định quy định: 1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quyết định điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này hoặc tiếp tục thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức đã xác định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành. 2. Cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thực hiện rà soát; trường hợp còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành trước đây; không phải ban hành lại. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện. 3. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có đang thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định này và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	
9	Trách nhiệm thi hành (Điều 12)	Điều 13. Trách nhiệm thi hành	

1. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Nghị định này; tham gia ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đề nghị của Bộ, cơ quan trung ương. 2. Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này. 3. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định này 4. Trong thời gian Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chưa quy định chi tiết hướng dẫn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này, Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi thực hiện điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định này. 5. Trước khi phê duyệt hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt	Kế thừa quy định tại Nghị định số 152/2027/NĐ-CP; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số nội dung: - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của cơ quan, đơn vị. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có ý kiến bằng văn bản thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh, Thành ủy, tỉnh ủy quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý, trong đó nêu rõ quá trình lấy ý kiến của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp này, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước nếu tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo không phù hợp với quy định của pháp luật. - Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: (i) Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật; bảo đảm quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, tiêu cực; (ii) Có ý kiến theo đề nghị của các Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh (đối với Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo); (iii) Chỉ đạo việc xử lý chuyển tiếp theo Điều 12 Nghị định này; (iv) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan. - Bỏ khoản 5 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP để phù hợp với quy định tại Nghị định 114/2024/NĐ-CP¹²	Việc bổ sung thời hạn có ý kiến của Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT nhằm gắn trách nhiệm của Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT trong việc có ý kiến về tiêu chuẩn, định mức trong lĩnh vực y tế, GD&ĐT trong khi hiện nay, Bộ Y tế vẫn chưa ban hành TCĐM diện tích chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; vì vậy, các Bộ, cơ quan TW, ĐP không có cơ sở để quy định đối với diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực này.
--	--	---

¹² Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP đã bãi bỏ khoản 5 Điều 12 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: a) Bộ, cơ quan trung ương lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính về tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Tài chính có ý kiến bằng văn bản về tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. 6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và các chức danh làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.		
--	--	--